

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày: 30/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Trần Duy Hinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Dương Văn Thanh.

Ông: Tơ Ngô Vui.

-Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Bà: Hoàng Thị Minh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-TB ngày 27/9/2022 đối với các bị cáo:

1/ ARất B; sinh ngày 06 tháng 10 năm 1986, tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Arất G (đã chết) và bà Ka Phu H (già yếu); bị cáo có vợ Bờ Nướch N và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/01/2022, đến ngày 07/02/2022 chuyển tạm giam; đến ngày 27/6/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2/ Pơ Loong T; tên gọi khác: Sách; sinh ngày 14 tháng 3 năm 1992, tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Pơ Loong B (đã chết) và bà Hóih H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo ARất B: Ông Lương Đình N - Trợ giúp viên

pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Pơ Loong T: Bà Lê Thị Sao M - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị hại: Ông Tơ Đêl C (đã chết).

Đại diện theo pháp luật cho người bị hại đã chết: Bà BLing H, sinh năm 1985 – Là vợ của bị hại; nơi cư trú tại thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi cho đại diện theo pháp luật cho người bị hại đã chết là bà BLing H: Bà Lê Thị Thanh L - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bờ Nướch N, sinh năm 1992; nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện N, Quảng Nam. Có mặt.

Bà Hôi Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện N, Quảng Nam. Có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Hóih N1, sinh năm 1994; nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện N, Quảng Nam. Có mặt.

Ông Tơ Đêl P, sinh năm 2002; nơi cư trú tại thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/01/2022, Arát B cùng Hóih N1, Pơloong T (tên thường gọi là S) cùng rủ nhau đi vào rừng ở khu vực Ta Lao thuộc rừng phòng hộ N để thăm bẫy và săn thú rừng. Khi đi, B có mang theo một khẩu súng tự chế bắn đạn thể thao, N1 mang theo một con dao rựa và gùi gạo, T mang theo một khẩu súng tự chế bắn đạn thể thao. Cả ba người đi bộ vào rừng, đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, trên đường đi đến khu vực Khoảnh 7, Tiểu khu 292, rừng phòng hộ N thuộc địa phận xã T, huyện N, B phát hiện có một tiếng động ở phía trước, B nhìn về hướng có tiếng động thì nhìn thấy mờ mờ phía trước giống một con khỉ đang ngồi, vì lúc này trời có sương mù nên tầm nhìn hạn chế, xung quanh có nhiều cây cối rậm rạp. B quyết định dùng súng nhắm bắn, vì nghĩ đó là khỉ. B ngồi xuống, giương súng nhắm bắn, tay bóp cò bắn một phát đạn (đã bỏ sẵn vào súng 04 viên), vị trí bắn cách nơi có tiếng động 17 mét. Sau khi bắn xong, B chạy đến thì phát hiện không phải là khỉ mà là một người đàn ông (Tơ Đêl C), B nhìn thấy đạn găm vào vùng da mặt của C, làm C chảy máu, lúc này C đang còn thở. Bên cạnh C còn có một người thanh niên (Tơ Đêl P, là cháu của nạn nhân C, cùng đi vào rừng với C đặt bẫy, săn thú), người này hỏi B tại sao bắn vào người C,

B trả lời không cố ý. Lúc này có N1 và T cũng chạy đến, nên mọi người cùng bàn nhau rồi chặt cây cột võng để đưa C ra ngoài để cấp cứu. Đi được khoảng 30 phút thì dừng nghỉ, lúc này N1 và T phát hiện C đã tắt thở nên đã nhờ P liên hệ với gia đình để báo tin. Khi đến Quốc lộ 14D thì có xe cấp cứu đến, mọi người nhanh chóng đưa C lên xe, còn B, N1 và T về nhà.

Theo Kết luận giám định pháp y tử thi số 19/GDPY-PC09 ngày 15/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Tơ Đêl C chết do sốc mất máu cấp, suy hô hấp – tuần hoàn cấp không hồi phục, hậu quả của vết thương sọ não do đạn chột, hướng từ trước ra sau, chệch từ phải qua trái.

Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) Công an huyện N cũng đã thu giữ 03 (ba) khẩu súng và đạn mà Arát B, Tơ Đêl C và Poloong T mang theo khi đi săn, đã ra Quyết định trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 326/KL-C09C(Đ1) ngày 29/3/2022 của Phân viện KHHS TP. Đà Nẵng kết luận: Các khẩu súng đã thu giữ là súng tự chế kiểu súng trường được chế tạo thủ công, không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường, hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng; số đạn được gửi giám định là đạn cỡ 5,6x15,6mm thuộc vũ khí thể thao.

Kết quả điều tra về nguồn gốc các khẩu súng tự chế và đạn nêu trên:

- Khẩu súng tự chế của Arát B mang theo là của ông Arát G (cha ruột của B, đã chết năm 2018) để lại. Khẩu súng được cất giấu trong thùng gỗ đặt tại gian nhà bếp của gia đình B. Trong quá trình dọn dẹp nhà vào năm 2018, B phát hiện khẩu súng tự chế cùng 04 (bốn) viên đạn nên cất giữ. Đến ngày 28/01/2022, B lấy khẩu súng tự chế cùng 04 (bốn) viên đạn mang theo để săn bắn thú rừng.

- Khẩu súng tự chế của Poloong T là của ông Poloong B (cha ruột của T, đã chết năm 2013) để lại, được cất giấu trong tủ gỗ đặt tại gian nhà chính. Vào đầu tháng 12/2021, T dọn dẹp tủ gỗ và phát hiện khẩu súng trên cùng với 03 (ba) viên đạn. Cũng trong tháng 12/2021, T đặt mua trên mạng (không rõ địa chỉ) 01 ống ngắm nhãn hiệu “BUSHNELL 3-9x40EG” với giá 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng và lắp vào khẩu súng tự chế. Khi lắp xong, T đã đem khẩu súng trên vào trong rừng sâu (thuộc khu vực xã T, huyện N nhưng không nhớ rõ vị trí cụ thể) và bắn thử 03 (ba) viên đạn vào gốc cây, các viên đạn đều nổ. Đến đầu tháng 01/2022, trong lúc đi rẫy, T gặp một người đi săn (không rõ thông tin, đặc điểm) và được người này bán cho 05 (năm) viên đạn với giá 20.000 (hai mươi nghìn) đồng /01 (một) viên. T mang số đạn này về cất giấu cùng với khẩu súng tự chế tại vị trí cũ. Đến ngày 28/01/2022, T mang khẩu súng cùng 05 (năm) viên đạn để đi săn bắt thú rừng. T đã nạp 01 (một) viên đạn vào khẩu súng, còn 04 (bốn) viên đạn để trong túi quần. Sau khi xảy ra sự

việc B bắn chết người, T đã ném khẩu súng tự chế gần khu vực hiện trường, súng cướp cò và gây ra 1 (một) tiếng nổ. Riêng 04 (bốn) viên đạn còn lại T đã ném vào bụi rậm dọc đường đi trong quá trình đưa anh C về (không xác định được vị trí).

- Khẩu súng tự chế của anh Tơ Đêl C: Do anh C đã chết nên hiện nay không xác định được nguồn gốc khẩu súng săn tự chế và đạn mà đối tượng này tàng trữ, sử dụng.

Về vật chứng, đồ vật bị thu giữ, tạm giữ:

- 03 (ba) khẩu súng săn tự chế, qua giám định thuộc vũ khí quân dụng;
- 03 (ba) viên đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm thuộc vũ khí thể thao (còn lại sau giám định);
- 02 (hai) vỏ đạn của loại đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm;
- 01 (một) miếng kim loại (thu bên trong cơ thể của ông Tơ Đêl Chăng) là đầu đạn của đạn cỡ (5,6 x 15,6) mm;
- 01 (một) mẫu máu của Tơ Đêl C.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo ARát B đã bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại đã chết là bà BLing H số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Tại phiên tòa, bà BLing H yêu cầu bị cáo B phải tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị hại đã chết là cháu Tơ Đêl Thị H, tên gọi khác: Tơ Đêl Thị Minh H, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2009 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2022. Bị cáo B thống nhất với yêu cầu của bà BLing H.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKSQN-P1 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo ARát B về tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 128 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015); truy tố bị cáo Pơ Loong T tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của BLHS năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định lại hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết liên quan đến vụ án của các bị cáo ARát B và Pơ Loong T, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo ARát B và Pơ Loong T. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng theo khoản 1, Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo A Rát B từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội

“Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và áp dụng khoản 1, Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo ARát B từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Vô ý làm chết người”; áp dụng Điều 55 BLHS năm 2015, buộc bị cáo ARát B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Pơ Loong T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, đề nghị tịch thu để tiêu huỷ toàn bộ vật chứng của vụ án.

Đồng thời, KSV nêu quan điểm về các vấn đề liên quan của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo ARát B và đại diện hợp pháp của bị hại đã chết về mức bồi thường thiệt hại và mức cấp dưỡng nuôi con.

Những người liên quan đến vụ án: Đối với người liên quan bà Bờ Nướch Nt, bà Hôi Thị H: Không biết các bị cáo cất giấu súng và đạn trong nhà nên không xem xét trách nhiệm.

Trợ giúp viên pháp lý Lương Đình N bào chữa cho bị cáo ARát B thống nhất cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên (Sau đây viết tắt là KSV) về hành vi phạm tội của bị cáo; điểm, khoản; tội danh; điều luật; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; loại hình phạt mà KSV đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu, là dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo gia đình có khó khăn, đang nuôi con nhỏ; gia đình bị cáo có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với tội “Vô ý làm chết người” phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm làm lại cuộc đời; miễn phần án phí cho bị cáo.

Bị cáo B thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa và không trình bày ý kiến bổ sung.

Trợ giúp viên pháp lý Lê Thị Sao M bào chữa cho bị cáo Pơ Loong T thống nhất cáo trạng truy tố và luận tội của KSV về hành vi phạm tội của bị cáo; điểm, khoản; tội danh; điều luật; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; loại hình phạt mà KSV đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu, là dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo sống với mẹ già. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 xét xử bị cáo mức thấp nhất khung hình phạt và được hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, nuôi mẹ già.

Bị cáo T thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa và không trình bày ý kiến bổ sung.

Trợ giúp viên pháp lý Lê Thị Thanh L bảo vệ quyền lợi cho đại diện theo pháp luật của người bị hại đã chết thống nhất cáo trạng truy tố và luận tội của KSV về hành vi phạm tội của bị cáo B điểm, khoản; tội danh; điều luật và loại hình phạt mà KSV đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị hại đã có đơn bãi nại và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của đại diện của bị hại đã chết và bị cáo B về vấn đề bồi thường dân sự và cấp dưỡng nuôi con.

Người đại diện theo pháp luật của người bị hại đã chết thống nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi và không trình bày ý kiến bổ sung.

KSV vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và áp dụng điều luật đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, VKSND tỉnh Quảng Nam, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Lời khai nhận của các bị cáo ARát B và Pơ Loong T tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào năm 2018, trong lúc dọn dẹp nhà cửa, B phát hiện 01 khẩu súng săn tự chế của ông G (cha của B) sau khi chết để lại, B đã cất giữ để sử dụng. Còn Pơ Loong T thì phát hiện khẩu súng của ông B (cha của T) sau khi chết để lại nhưng không giao nộp và cũng cất giữ để đi săn. Ngày 28/01/2022, ARát B, Hóih N1, Poloong T cùng rủ nhau đi vào rừng thăm bẫy và săn thú rừng. Khi đi, ARát B và Pơ Loong T đã mang theo súng tự chế thuộc vũ khí quân dụng đã nêu trên. Trong lúc đi săn, tầm nhìn hạn chế do sương mù trong rừng nên ARát B đã vô ý bắn chết anh Tơ Đêl C (sinh năm 1981, trú thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam) vì tưởng nhầm là con khỉ. Do đó, hành vi nêu trên của ARát B đã phạm vào tội “Vô ý làm chết người” quy định tại khoản 1 Điều 128 BLHS năm 2015. Ngoài ra, ARát B và Pơ Loong T đã có hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304

BLHS năm 2015 như cáo trạng truy tố và luận tội của KSV là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, nguyên nhân phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện gây nguy hiểm cho gia đình và xã hội, xâm phạm đến công tác quản lý vũ khí của Nhà nước, tác động tiêu cực đến trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra, B đã dùng vũ khí quân dụng vô ý bắn chết người, xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác.

Xét về vai trò của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều đóng vai trò là người thực hiện, không có sự cấu kết chặt chẽ, sự phân chia vai trò, vị trí không rõ ràng.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; vì vậy áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với các bị cáo. Bên cạnh đó, gia đình ARát B đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Tơ Đêl C số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng và được gia đình Tơ Đêl C có đơn xin bãi nại cho ARát B nên ARát B được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; bên cạnh đó, ARát B có cha ruột là ARát G được tặng Huân chương kháng chiến, bị cáo ARát B là người dân tộc thiểu số, gia đình có khó khăn, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, lạc hậu nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo Pon Loong T là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, lạc hậu, gia đình chỉ có bị cáo và mẹ già bị bệnh tật nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 như đề nghị của KSV và người bào chữa của các bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[5] Xét về trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo gây ra, HĐXX thấy:

Đối với tội “Vô ý làm chết người”, bị cáo ARát B có 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Tuy nhiên, để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; nên HĐXX thống nhất với đề nghị của KSV và không áp dụng thêm Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo ARát B như đề nghị của người bào chữa để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”: HĐXX xét thấy, bị cáo B và bị cáo T là người dân tộc thiểu số, gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, lạc hậu. Tuy nhiên, hành vi tàng trữ trái phép vũ khí của người dân trên địa bàn miền núi còn phức tạp; chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền người dân về việc giao nộp vũ khí. Các bị cáo nhận thức đầy đủ được hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, không giao nộp

cho chính quyền. Vì vậy, nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, HĐXX xét thấy đề nghị của KSV là phù hợp với pháp luật; đồng thời không áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo Pơ Loong T.

Do bị cáo ARát B cùng một lần phạm tội “Vô ý làm chết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 55 của BLHS để tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh trên đối với bị cáo như đề nghị của KSV là phù hợp pháp luật.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo không có thu nhập không ổn định, gia đình có khó khăn, thuộc hộ nghèo. Vì vậy, HĐXX thống nhất đề nghị của KSV không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, bị cáo B và đại diện hợp pháp cho bị hại đã chết là bà BLing H đã thỏa thuận thống nhất với nhau toàn bộ về bồi thường thiệt hại và mức cấp dưỡng nuôi con của bị hại đã chết trong vụ án và người bảo vệ quyền lợi cho đại diện hợp pháp của bị hại đã chết yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận này. Do đó, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của bị cáo B và bà BLing H.

[8] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (ba) viên đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm thuộc vũ khí thể thao (còn lại sau giám định) đã chuyển Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam để đề nghị xử lý vi phạm hành chính đối với ARát B theo thẩm quyền nên HĐXX không xem xét xử lý.

- Đối với 03 (ba) khẩu súng săn tự chế, qua giám định thuộc vũ khí quân dụng; 02 (hai) vỏ đạn của loại đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm; 01 (một) miếng kim loại (thu bên trong cơ thể của ông Tơ Đêl C) là đầu đạn của đạn cỡ (5,6 x 15,6) mm; 01 (một) mẫu máu của Tơ Đêl C là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị nên áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy như đề nghị của KSV là hợp lý.

[9] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

- Đối với ARát G (cha của ARát B) và Pơ Loong B (cha của Pơ Loong T) có dấu hiệu của tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tuy nhiên do ông G và ông B đã chết nên không đề cập vấn đề xử lý.

- Anh Tơ Đêl C đã tàng trữ, sử dụng trái phép một khẩu súng săn tự chế, qua giám định thuộc vũ khí quân dụng. Hành vi của C có dấu hiệu của tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, anh C đã chết nên không đề cập vấn đề xử lý.

- ARát B có hành vi tàng trữ 04 (bốn) viên đạn thuộc vũ khí thể thao là vi phạm hành chính nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã chuyển hồ sơ cùng đồ vật có liên quan đến Phòng CSQLHC về TTXH Công an

tỉnh Quảng Nam đề nghị xử lý đối với Bênh theo thẩm quyền nên HĐXX không xem xét xử lý thêm.

- Pơ Loong T khai nhận đã tàng trữ 08 (tám) viên đạn. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan điều tra không thu giữ được các viên đạn liên quan đến T, cũng không có người nào khác biết việc T tàng trữ số đạn như trên. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra xét thấy không đủ căn cứ để xử lý đối với Pơ Loong T liên quan đến số đạn trên là phù hợp và tại phiên tòa, KSV không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Bờ Nướch N, bà Hôi Thị H: Không biết các bị cáo cất giấu súng và đạn trong nhà nên không xem xét trách nhiệm.

[10] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo và các bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), HĐXX miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo ARát B và bị cáo Pơ Loong T và miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo B như đề nghị của KSV và người bào chữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo ARát B phạm tội “Vô ý làm chết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Pơ Loong T phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 128; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo ARát B 12 (mười hai) tháng tù về tội “Vô ý làm chết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo ARát B 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo ARát B phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Pơ Loong T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo ARất B và đại diện hợp pháp của bị hại đã chết là bà BLing H:

- Bị cáo ARất B tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bà BLing H số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tương ứng còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bị cáo ARất B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị hại đã chết là cháu Tơ Đêl Thị H, tên gọi khác: Tơ Đêl Thị Minh H, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2009 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2022.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) khẩu súng bằng kim loại và gỗ dài 99cm, ốp thân và báng súng bằng gỗ, màu đen, dây đeo màu xanh đen. Phần thân và cò súng được niêm phong bằng các hình dấu của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng cùng các chữ ký, chữ viết của người niêm phong.

- 01 (một) khẩu súng (đã bị gãy thành 02 phần) bằng kim loại và gỗ dài 88cm (sau khi ghép 02 phần vào nhau), ốp thân và báng súng bằng gỗ, màu đen, phần kim loại và gỗ được nối với nhau bằng dây vải màu đen. Phần thân và cò súng được niêm phong bằng các hình dấu của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng cùng các chữ ký, chữ viết của người niêm phong.

- 01 (một) khẩu súng bằng kim loại và gỗ dài 60cm, ốp thân và báng súng bằng gỗ, màu đen; phía trên súng có gắn ống ngắm bằng kim loại màu đen hiệu “BUSHNELL”; bên ngoài súng có gắn dây đeo màu xanh đỏ. Phần thân và cò súng được niêm phong bằng các hình dấu của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng cùng các chữ ký, chữ viết của người niêm phong.

- 02 (hai) vỏ đạn của loại đạn cỡ (5,6 x 15,6) mm và 01 (một) mảnh kim loại kích thước 1.2 x 0.7 x 0.3) cm. Các đồ vật trên được niêm phong trong một phong bì bằng giấy màu trắng có hình dấu Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh Quảng Nam và chữ ký người niêm phong.

(Vật chứng được Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Quảng Nam giao cho Ban quân khí thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/8/2022)

- 01 (một) mẫu máu của Tơ Đêl C (Vật chứng đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tại Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSQN-P1 ngày 26/8/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2022).

3. Ấn phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo ARất B và bị cáo Pơ Loong T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo ARất B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Nam Giang (HSNV);
- Sở Tư pháp Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trần Duy Hình

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Nam Giang (HSNV);
- Sở Tư pháp Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trần Duy Hình

